

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 530/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19/6/2020

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC –THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Phạm Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Ông Phạm Bá Chương

2/- Bà Nguyễn Thị Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyên Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 973/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2020/QĐST - HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Huỳnh Bảo N – sinh năm: 1984

Thường trú: 310 Ấp 5, xã A, thành phố B, tỉnh Tiền Giang.

Cư trú: 1127/25 đường V, khu phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2/ Bị đơn: Ông Lê Văn Mười M – sinh năm: 1981

Thường trú: 310 Ấp 5, xã A, thành phố B, tỉnh Tiền Giang.

Cư trú: 1127/25 đường V, khu phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và quá trình tranh tụng tại Tòa bà Huỳnh Bảo N là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Lê Văn Mười M tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2001, có tổ chức hỏi cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn bà về sống chung bên gia đình ông M đến năm 2005 vợ chồng ra sống tự lập tại xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Vào năm 2012 cả hai đến phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Theo bà cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì P sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đôi bên thường xuyên xảy ra cãi vã, dẫn đến cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, kể từ năm 2018 cho đến nay ông M thường xuyên vắng nhà, khoảng 2 tuần ông M về nhà thăm con, sau đó lớn tiếng cãi vã rồi bỏ ra đi nơi khác sinh sống. Xét thấy tình cảm không còn nên bà có đơn khởi kiện xin được ly hôn. Tại Tòa bà xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được khả năng đoàn tụ sẽ không mang lại hạnh phúc, do đó bà yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn Mười M.

Về con chung: Có 04 (bốn) con chung tên Lê Tấn H - sinh ngày 17/11/2001 (đã trưởng thành); Lê H D - sinh ngày 02/11/2004; Lê Tấn L - sinh ngày 08/4/2009 và Lê Tấn P - sinh ngày 08/4/2009. Hiện tại bà đang trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung bà tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa ông Lê Văn Mười M là bị đơn trình bày: Giai đoạn đi đến hôn nhân đúng như lời trình bày của bà Huỳnh Bảo N. Sau khi lập gia đình cả hai sống tự lập tại nhà cha mẹ của ông M ở Tiền Giang, theo ông cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc bình thường, tuy N thỉnh thoảng cũng có mâu thuẫn nhưng tự giải quyết, đến năm 2019 thì P sinh mâu thuẫn nhiều hơn, Nguyên nhân do kinh tế khó khăn, bà N không tin tưởng ông trong vấn đề tình cảm nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hiện nay ông vẫn đang sinh sống tại địa chỉ: 1127/25 đường V, khu phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian qua ông có nhận được các giấy mời do Tòa án triệu tập. Tuy N, do công việc phải đi làm thường xuyên nên ông không sắp xếp đến Tòa án theo giấy mời. Tại Tòa ông xác định tình cảm vẫn còn, ông vẫn còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn. Ông M đề nghị Tòa án cho thời gian 30 ngày để hàn gắn, trường hợp không hàn gắn được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 04 (bốn) con chung tên Lê Tấn H - sinh ngày 17/11/2001; Lê H D - sinh ngày 02/11/2004; Lê Tấn L - sinh ngày 08/4/2009 và

Lê Tấn P - sinh ngày 08/4/2009. Giả sử phải ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên Tòa bà N xác định cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà vẫn giữ yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung chưa trưởng thành và tự nguyện không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng con chung tên Lê Tấn H - sinh ngày 17/11/2001 đã trưởng thành muốn ở với cha hay mẹ tùy ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Văn Mười M là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để đến Tòa giải quyết vụ kiện nhưng ông M vẫn vắng mặt không có lý do, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông M.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, về việc tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, về thụ lý vụ án, ra thông báo thụ lý vụ án, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục của pháp luật quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Bà Huỳnh Bảo N và ông Lê Văn Mười M tự nguyện kết hôn vào năm 2002 có hỏi cưới và có đăng ký kết hôn, Giấy chứng nhận kết hôn số: 66 quyển số 01/2002 ngày 14/7/2002 do Ủy ban nhân dân xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cấp là cơ sở xác định hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Hiện tại ông M đang sinh sống và cư trú tại phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, bà N là một bên đương sự, có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Bảo N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Huỳnh Bảo N và ông Lê Văn Mười M tự nguyện kết hôn vào năm

2002, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và hiện tại đôi bên đã sống ly thân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do đôi bên bất đồng quan điểm sống, kinh tế khó khăn, vợ chồng không tin tưởng nhau trong lĩnh vực tình cảm nên thường xuyên cãi vã, từ đó dẫn đến cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, nên bà N có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu xin ly hôn của bà N, Tòa án đã triệu tập ông M nhiều lần để đến tòa giải quyết nhưng ông M đều vắng mặt không có lý do. Vào ngày 27/3/2020 ông M đến tòa và xin được hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ gia đình, ông đề nghị Tòa án tạm hoãn thêm thời gian là 30 ngày để vợ chồng hàn gắn gia đình, hết thời gian trên nếu vợ chồng không đoàn tụ được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy N thời gian qua theo lời trình bày của bà N tại phiên tòa hôm nay thì vợ chồng vẫn sống ly thân ông M có về nhà thăm con được 03 lần sau đó lại ra đi nơi khác sinh sống và không đến Tòa để giải quyết vụ kiện theo thông báo của Tòa án, điều này cho thấy ông M không quan tâm đến việc yêu cầu xin ly hôn của bà N, trong quá trình sống chung đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, xét hiện tại đôi bên đã sống ly thân, do đó việc bà N có đơn yêu cầu được ly hôn với ông M là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc xin đoàn tụ gia đình của ông M là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 04 (bốn) con chung tên Lê Tấn H - sinh ngày 17/11/2001 (đã trưởng thành); Lê H D - sinh ngày 02/11/2004; Lê Tấn L - sinh ngày 08/4/2009 và Lê Tấn P - sinh ngày 08/4/2009. Sau khi ly hôn cả hai đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc nuôi con là thể hiện trách nhiệm của cha mẹ đối với con chung, tuy N để bảo vệ quyền và lợi ích mọi mặt của người con. Hội đồng xét xử xét thấy nên giao 03 con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, theo yêu cầu của bà N và theo ý kiến nguyện vọng của các con chung là hợp lý và phù hợp với điều kiện thực tế vì hiện nay các con chung đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng, khi có điều kiện ông M có thể đến thăm nom chăm sóc, dạy dỗ và giáo dục con chung, khi cần thiết có thể thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung bà N tự nguyện không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Cả hai trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015, bà Huỳnh Bảo N phải chịu 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Huỳnh Bảo N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003745 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, bà Huỳnh Bảo N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

a-/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Bảo N với ông Lê Văn Mười M.

b-/ Về nuôi con chung: Giao 03 (ba) con chung tên Lê Hoàng D - sinh ngày 02/11/2004; Lê Tấn L - sinh ngày 08/4/2009 và Lê Tấn P - sinh ngày 08/4/2009 cho bà Huỳnh Bảo N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung bà Huỳnh Bảo N tự nguyện không yêu cầu. Riêng con chung tên Lê Tấn H - sinh ngày 17/11/2001 (đã trưởng thành);

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

c-/ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2-/ Về án phí: Bà Huỳnh Bảo N phải chịu 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Huỳnh Bảo N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003745 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, bà Huỳnh Bảo N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3-/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014”;

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THA dân sự Q.Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân xã B,
thành phố C, tỉnh Tiền Giang;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thu